TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **222**/2025/DS-ST
Ngày 28-5-2025
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé.

2. Ông Nguyễn Hoa Kiều.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Hồng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 641/2024/TLST- DS, ngày 03 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Hồng O**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Dương Hồng N, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà O: Luật sư Nguyễn Văn D thuộc Văn phòng luật sư Dũng N1 – Đoàn Luật sư tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Triệu Văn K**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt ông D; Vắng mặt chị N, anh K)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Dương Hồng N trình bày:

Ngày 29/11/2024, chị O có cho anh K vay số tiền là 260.000.000 đồng, anh K có viết giấy cam kết và thỏa thuận mỗi tháng trả số tiền 5.000.000 đồng, đến khi anh K được giải tỏa đền bù đất sẽ trả 100.000.000 đồng. Nhưng sau đó anh K không thực hiện theo thỏa thuận dù chị O đòi tiền anh K nhiều lần.

Chị O yêu cầu anh K trả cho chị O số tiền vay còn nợ là 260.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 13/7/2023 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

* Bị đơn anh K đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa:

Ông D trình bày: Ngày 13/7/2023, anh K được tiền đền bù giải tỏa đất nhưng anh K không thực hiện việc trả nợ cho chị O theo thỏa thuận. Chị O yêu cầu anh K trả cho chị O số tiền vay còn nợ là 260.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 13/7/2023 đến ngày 28/5/2025 là 48.555.000 đồng, tổng cộng 308.55500 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại các Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn anh Triệu Văn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh K vắng mặt mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn*:

[3.1] *Đối với yêu cầu trả tiền vốn:*

Xét giấy cam kết ngày 19/3/2016 thể hiện ý chí thỏa thuận của bên cho vay, bên vay tài sản là anh K có vay của chị O số tiền 260.000.000 đồng, được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Anh K thỏa thuận mỗi tháng trả cho chị O số tiền 5.000.000 đồng, đến khi anh K được nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ trả 100.000.000 đồng cho chị O nhưng anh K không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản theo Điều 282 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì anh K phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh số tiền còn nợ hoặc cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền cho chị O. Tuy nhiên, anh K không cung cấp được chứng cứ về số tiền còn nợ, đã thanh toán. Do đó, căn cứ vào lời khai của chị O và chứng cứ là giấy cam kết ngày 19/3/2016 có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O là yêu cầu anh K trả cho chị số tiền là 260.000.000 đồng.

[3.2] *Đối với yêu cầu trả tiền lãi*:

Giấy cam kết ngày 19/3/2016, hai bên không có thỏa thuận lãi suất, anh K thỏa thuận mỗi tháng trả cho chị O số tiền 5.000.000 đồng, đến khi anh K được nhận tiền giải tỏa đất sẽ trả 100.000.000 đồng cho chị O nhưng anh K không thực hiện. Chị O yêu cầu trả tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 260.000.000 đồng từ ngày 13/7/2023 đến ngày 28/5/2025 (22 tháng 15 ngày) là có căn cứ theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiền lãi là:

(260.000.000 x 22 x 0,83%) + (260.000.000 x 15 x 0,83%/30) = 48.555.000 đồng.

[4] *Về án phí*: Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 282; 357; 463; 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng O.

Buộc anh Triệu Văn K có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Hồng O số tiền vốn vay còn nợ là 260.000.000 đồng và tiền lãi là 48.555.000 đồng, tổng cộng 308.555.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh K phải chịu 15.428.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Trả lại cho chị O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.460.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008320 ngày 03/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết,

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Huyền Ni